

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 23 tháng 6 năm 2017
V/v “Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
Với thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng.
2. Bà Nguyễn Thị Lan.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Ngô Văn Quang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: ông Vũ Thanh Tùng- Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2017 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2017/QĐXX-ST ngày 06/6/2017 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Đỗ Đại Đ, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn P, xã M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt)

+ Bị đơn: Chị Tống Thị T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn P, xã M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Đỗ Đại Đ trình bày:

Anh kết hôn với chị Tổng Thị T vào ngày 19/3/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, thành phố B. Trong quá trình chung sống anh Đ và chị T thường hay bất Đ về quan điểm sống nên dẫn đến việc vợ chồng hay xảy ra cãi vã nhau, hai người phải sống ly thân từ tháng 10/2016 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, vì vậy anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

- Về con chung: anh và chị T có một con chung là cháu Đỗ Tú Q, sinh ngày 28/3/2014. Hiện nay cháu Q đang chung sống cùng với chị T. Sau khi ly hôn anh Đ mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Tú Q. Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Tổng Thị T trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Đ về thời gian kết hôn, về đăng ký kết hôn và về con chung. Sau khi kết hôn chị về làm dâu nhà anh Đ ngay và ở cùng với bố mẹ chồng tại thôn P, xã M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian chung sống chị và anh Đ thường hay bất Đ về quan điểm sống. Tháng 9 năm 2016, vợ chồng có ra ngoài thuê nhà ở riêng tại số X đường L, phường H, thành phố B. Tại đây mâu thuẫn vợ chồng càng trở lên trầm trọng. Vì vậy chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn N, xã M, thành phố B từ tháng 10/2016 cho đến nay không quay về chung sống cùng anh Đ nữa. Trong thời gian sống ly thân thì chị và anh Đ không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nữa. Nay anh Đ làm đơn xin ly hôn, chị Đ ý ly hôn. Trong thời gian chung sống với bố mẹ chồng, chị không đề nghị trích chia công sức.

- Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung tên là Đỗ Tú Q, sinh ngày 28/3/2014. Hiện nay cháu Q đang chung sống cùng với chị. Sau khi ly hôn chị mong muốn được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đỗ Tú Q. Bản thân chị làm tại công ty TNHH hàng tiêu dùng Thái Long với tổng mức lương hàng tháng trung bình là khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Chị yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Đ có thỏa thuận với chị T là anh Đ ý cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và được chị T Đ ý.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tổ tụng dân sự. Tại phiên Toà hôm nay, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tổ tụng dân sự tại phiên toà. Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự được quy định trong Bộ luật tổ tụng dân sự tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đề nghị Hội Đ xét xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Đại Đ và chị Tổng Thị T.

- Về con chung: Chị Tổng Thị T được quyền trực tiếp nuôi cháu Đỗ Tú Q.

Về cấp dưỡng nuôi con, công nhận sự thỏa thuận giữa anh Đ và chị T đó là anh Đ đóng góp nuôi con với chị T số tiền là 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng một tháng) cho đến khi cháu Q thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung, công nợ chung: không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: anh Đ phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội Đ xét xử nhận định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị T là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống hai bên thường xảy ra mâu thuẫn vợ chồng do bất Đ về quan điểm sống thể hiện ở việc chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở, hai người sống ly thân với nhau, không ai còn quan tâm đến ai nữa.

Tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, hai bên đều nhất trí ly hôn nên Hội Đ xét xử cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Đại Đ và chị Tổng Thị T.

+ Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung tên là Đỗ Tú Q, sinh ngày 28/3/2014. Hiện nay cháu Q đang chung sống cùng với chị T. Anh Đ và chị T đều có yêu cầu trực tiếp nuôi con. Cháu Q mới hơn 3 tuổi nên cần phải có sự chăm nom, chăm sóc trực tiếp của bố hoặc mẹ. Xét về điều kiện kinh tế và thu nhập thì anh Đ và chị T đều có thu nhập ổn định, đảm bảo để trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Q, cháu còn nhỏ tuổi cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, cần giao cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa anh Đ và chị T thỏa thuận anh Đ đóng

góp nuôi con với chị T số tiền là 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng một tháng) cho đến khi cháu Q thành niên (đủ 18 tuổi) nên cần công nhận sự thỏa thuận này.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 28; Điều 35; khoản 1, 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Đại Đ và chị Tống Thị T.

Về nuôi con chung: Giao con chung Đỗ Tú Q, sinh ngày 28/3/2014 cho chị Tống Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, công nhận sự thỏa thuận giữa anh Đ và chị T: Anh Đ đóng góp nuôi con với chị T số tiền là 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng một tháng) cho đến khi cháu Q thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về tài sản chung và công nợ chung: anh Đỗ Đại Đ và chị Tống Thị T thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: anh Đỗ Đại Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/06194 ngày 20/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận anh Đ đã nộp 300.000 đồng tiền án phí. Anh Đ còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Đại Đ và chị Tống Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP B;
- CCTHA-DS TP B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI Đ XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường

